

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 61/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10-9-2020.

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Huệ

2. Bà Trần Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang:
Không tham gia phiên tòa

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Mười M, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Công M, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Tại phiên tòa có mặt chị M, vắng mặt anh M)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phan Thị Mười M trình bày: Chị và anh Trần Công M kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/10/2010. Quá trình sống chung vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh M không lo làm ăn, không có sự quan tâm đến chị. Anh, chị đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Công M. Về con chung, chị và anh Trần Công M có hai con chung tên là Trần Thị Q, sinh ngày 30/8/2010 và Trần Thị Kim Q, sinh ngày 17/11/2012, hiện nay hai cháu đang sống chung với anh M. Khi ly hôn chị đồng ý để anh M tiếp tục nuôi hai con, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi

cháu 1.000.000đồng/tháng. Về tài sản chung chị và anh M tự thỏa thuận, về nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Tại tờ tự khai ngày 21/8/2020, bị đơn anh Trần Công M trình bày: Anh và chị Phan Thị Mười M sống chung năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P năm 2010. Vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015, lý do chị M đi làm nhưng không về nhà và muốn thuê chỗ ở trọ. Nay chị M xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung anh thừa nhận đúng như chị M trình bày. Anh thống nhất tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu chị M cấp dưỡng. Anh xác định anh và chị M không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị Mười M giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Công M, đồng ý giao con chung cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng. Bị đơn anh Trần Công M vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phan Thị Mười M yêu cầu ly hôn với anh Trần Công M; anh M có nơi cư trú tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Trần Công M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Mười M và anh Trần Công M sống chung có đăng ký kết hôn năm 2010, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình sống chung giữa chị M và anh M xảy ra mâu thuẫn, chị M cho rằng anh M không lo làm ăn, không quan tâm đến chị; anh M cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do chị M đi làm nhưng không muốn về nhà; mâu thuẫn vợ chồng giữa anh M và chị M không lớn nhưng anh, chị không có giải pháp giải quyết mâu thuẫn dẫn đến mâu thuẫn kéo dài nhiều năm và vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2015 đến nay. Tại phiên tòa, chị M kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh M; trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng anh M không đến tham dự hòa giải và có ý kiến đồng ý ly hôn với chị M, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh M không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Mười M.

[4] Về con chung: Chị Phan Thị Mười M và anh Trần Công M có hai con chung là Trần Thị Q, sinh ngày 30/8/2010 và Trần Thị Kim Q, sinh ngày

17/11/2012. Xét thấy, hiện tại hai cháu đang sống với anh M, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị M thống nhất ý kiến để anh M tiếp tục nuôi con, đồng thời tại bản khai ngày 21/8/2020 của cháu Trần Thị Q và cháu Trần Thị Kim Q thể hiện hai cháu muốn tiếp tục sống với anh M. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị M và anh M về việc nuôi con, giao con chung cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phan Thị Mười M được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng: Anh Trần Công M chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên, chị Phan Thị Mười M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến này của chị M là phù hợp quy định pháp luật, bảo vệ quyền lợi cho con chưa thành niên khi cha, mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận chị Phan Thị Mười M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng, thực hiện cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Trần Thị Q và Trần Thị Kim Q đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Mười M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị Mười M, anh Trần Công M có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Mười M được ly hôn với anh Trần Công M.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Thị Q, sinh ngày 30/8/2010 và Trần Thị Kim Q, sinh ngày 17/11/2012 cho anh Trần Công M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phan Thị Mười M được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng: Chị Phan Thị Mười M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng, thực hiện cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Trần Thị Q và Trần Thị Kim Q đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

4. Về án phí: Chị Phan Thị Mười M phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 20524 ngày 28/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị Phan Thị Mười M còn phải nộp 300.000đồng án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Phan Thị Mười M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Công M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- UBND xã P, TP, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Kim Hương